

Bản án số: 16/2025/HS-PT
Ngày 04 - 4 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Anh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Tân

Ông Trần Minh Tấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Duy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Quan Tuấn Nghĩa, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 117/2024/TLPT-HS ngày 04 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Thanh N và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2024/HS-ST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Thanh N, sinh ngày 01/7/1976, tại Bạc Liêu; nơi cư trú: ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Cán bộ; chức vụ trước khi phạm tội: Nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; (là đảng viên Đ đã bị Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy V1 đình chỉ sinh hoạt Đảng); trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1952; có vợ tên Huỳnh Thị T1, sinh năm 1978 và 02 người con, lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/7/2023 đến nay, (có mặt).

2. Họ và tên: Trần Thị Cẩm N1, sinh ngày 03/4/1989, tại Bạc Liêu; nơi cư trú: ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Công chức Tài chính - Kế toán Ủy ban nhân dân xã H; chức vụ trước khi phạm tội: Nguyên Bí thư Đoàn cơ sở xã H; (là đảng viên Đ đã bị Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy V1 đình chỉ sinh hoạt Đảng); trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T2, sinh năm 1962 và bà Trần Thị D, sinh năm 1965; chồng, con: chưa có; anh chị em ruột 04 người, lớn nhất sinh

năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1993; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/7/2023 đến nay, (có mặt).- *Bị cáo không kháng cáo:*

1. Họ và tên: Nguyễn Văn P, sinh ngày 01/01/1950; nơi cư trú: ấp C, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

2. Họ và tên: Võ Minh L1, sinh ngày 15/5/1984; nơi cư trú: ấp V, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo:* Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Trụ sở: ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Anh T3 – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo:*

1. Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Trụ sở: ấp G, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

2. Ông Trần Văn N2, sinh năm 1993; địa chỉ: ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Qua thanh tra đã phát hiện từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/9/2022, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quản lý tài chính ngân sách của xã H xảy ra nhiều vi phạm: Lập hồ sơ thanh quyết toán công trình duy tu, sửa chữa nhưng không thực hiện công trình; chi không đúng chế độ; giả mạo (lập khống) chứng từ để quyết toán, làm thiệt hại ngân sách Nhà nước, cụ thể như sau:

1. Nguồn vốn duy tu, sửa chữa:

- Nguồn vốn duy tu, sửa chữa năm 2019 bị cáo Nguyễn Thanh N giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H đã ký Quyết định phê duyệt dự toán công trình sửa chữa tuyến đường X - H (từ cầu Ú đến cầu Ô) với chi phí xây dựng là 131.727.000 đồng, sau đó bị cáo ký Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng công trình, đồng thời ký hợp đồng thi công xây dựng công trình với Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Văn P do bị cáo Nguyễn Văn P là chủ doanh nghiệp, giá trị hợp đồng là 131.727.000 đồng. Sau đó bị cáo N và bị cáo P thỏa thuận lập các thủ tục không đúng thực tế để chiếm đoạt tiền từ ngân sách Nhà nước, bị cáo N chỉ chi thực tế cho bị cáo P số tiền 50.227.000 đồng, còn lại số tiền 81.500.000 chênh lệch bị cáo N chỉ đạo cho bị cáo N1 cất giữ và sử dụng vào mục đích hoàn lại số tiền trước đó đã mượn chi hỗ trợ cán bộ công chức xã H, tặng quà cho Công ty X và Công ty X vào dịp Tết Nguyên Đán năm 2019.- Nguồn vốn duy tu, sửa chữa năm 2020:+ Đối với tuyến đường từ cầu Ú đến nhà ông T4 ấp V:

Ngày 03/9/2020, bị cáo Nguyễn Thanh N, chủ đầu tư đã ký Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu xây lắp thuộc công trình sửa chữa đường từ cầu Ú đến nhà ông T4 ấp V, ký hợp đồng thi công xây dựng công trình với Doanh nghiệp tư nhân do bị cáo Nguyễn Văn P làm chủ, giá trị hợp đồng 48.500.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng, bị cáo Nguyễn Văn P không thi công công trình mà chỉ mua vật liệu xây dựng rồi giao lại cho UBND xã H để giao cho người dân tự làm, nhưng bị cáo N và P ký biên bản nghiệm thu khối lượng thanh toán hoàn thành và ký bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng, ký giấy rút dự toán ngân sách gửi Kho bạc Nhà nước V2 chuyển vào tài khoản số 7206205021851 mở tại A Chi nhánh huyện V cho Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Văn P số tiền 48.500.000 đồng.

+ Đối với tuyến đường từ nhà bà V đến nhà ông C ấp Q:

Ngày 02/8/2020, bị cáo Nguyễn Thanh N ký Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu xây lắp công trình sửa chữa tuyến đường từ nhà bà V đến nhà ông C ấp Q. Ngày 03/8/2020, bị cáo N ký hợp đồng thi công xây dựng công trình số 12/2020/HĐ-XD với Doanh nghiệp tư nhân N5 giá trị hợp đồng là 42.620.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng, bị cáo Nguyễn Văn P không thi công mà chỉ mua vật liệu xây dựng rồi giao lại cho UBND xã H để giao cho người dân tự làm, nhưng đến ngày 30/8/2020, bị cáo N và bị cáo P ký biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành và ngày 30/10/2020 bị cáo N và bị cáo P ký bảng xác định giá trị khối lượng công việc theo hợp đồng để làm căn cứ thanh quyết toán công trình với số tiền 42.620.000 đồng. Đến ngày 02/11/2020, bị cáo N ký giấy rút dự toán ngân sách gửi Kho bạc Nhà nước V2 chuyển vào tài khoản số 7206205021851 mở tại A Chi nhánh huyện V cho Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Văn P số tiền 42.620.000 đồng.

+ Đối với tuyến đường từ nhà ông Hai T5 đến nhà ông Quang ấp V:

Ngày 03/7/2020, bị cáo Nguyễn Thanh N ký Quyết định số: 31/QĐ-UBND phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu xây lắp thuộc công trình sửa chữa tuyến đường từ nhà ông Hai T5 đến nhà ông Q ấp V. Ngày 04/7/2020, bị cáo N ký hợp đồng thi công xây dựng công trình số: 11/2020/HĐ-XD với Doanh nghiệp tư nhân N5 giá trị hợp đồng là 49.500.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng, bị cáo Nguyễn Văn P chỉ thi công một phần công trình, nhưng đến ngày 02/8/2020, bị cáo N và bị cáo P ký biên bản nghiệm thu khối lượng thanh toán hoàn thành và ngày 30/10/2020 ký Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành, đề nghị thanh toán số tiền 49.500.000 đồng. Đến ngày 02/11/2020, bị cáo N ký giấy rút dự toán ngân sách gửi Kho bạc Nhà nước V2 chuyển vào tài khoản số 7206205021851 mở tại A Chi nhánh huyện V cho Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Văn P số tiền 49.500.000 đồng.

+ Đối với cầu Ú ấp H:

Ngày 02/11/2020, bị cáo Nguyễn Thanh N ký Quyết định số: 45/QĐ-UBND phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu xây lắp thuộc công trình sửa chữa cầu Ú ấp H, đồng thời ký hợp đồng thi công xây dựng công trình số: 13/2020/HĐ-XD với Doanh nghiệp tư nhân N5 giá trị hợp đồng là 20.000.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng, bị cáo Nguyễn Văn P sửa chữa lại các thanh sắt bị hỏng của cầu Ú và một số

cây cầu khác trên địa bàn xã H. Đến ngày 02/12/2020, bị cáo N và bị cáo P ký biên bản nghiệm thu khối lượng thanh toán hoàn thành và Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành, đề nghị thanh toán số tiền 20.000.000 đồng. Đến ngày 07/12/2020, bị cáo N ký giấy rút dự toán ngân sách gửi Kho bạc Nhà nước V2 chuyển vào tài khoản số 7206205021851 mở tại A Chi nhánh huyện V cho Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Văn P số tiền 20.000.000 đồng.

Sau khi quyết toán các công trình nói trên, bị cáo Nguyễn Thanh N với vai trò là chủ đầu tư đã thanh toán các hợp đồng duy tu, sửa chữa 03 tuyến đường, 01 cây cầu cho bị cáo Nguyễn Văn P với số tiền 160.620.000 đồng, nhưng thực tế giá trị duy tu, sửa chữa các công trình trị giá là 86.120.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Văn P nhận 86.120.000 đồng, còn lại 74.500.000 đồng tiền chênh lệch, bị cáo P giao lại cho bị cáo N1 theo sự chỉ đạo của bị cáo N. Số tiền 74.500.000 đồng bị cáo N chỉ đạo bị cáo N1 sử dụng vào mục đích hoàn lại số tiền trước đó đã mượn, chi hỗ trợ cán bộ công chức xã H, tặng quà cho Công ty X và Công ty X vào dịp Tết Nguyên Đán năm 2020.

- Nguồn vốn duy tu, sửa chữa năm 2022:

Đối với tuyến đường từ nhà H đến nhà bà H và tuyến đường từ nhà bà C1 đến nhà bà T6 ấp V, UBND xã H thực tế không có duy tu, sửa chữa và cũng không có ký kết với đơn vị nào thi công. Do quen biết với ông Đặng Văn M - Kế toán trưởng Công ty TNHH T8 (Công ty T8), địa chỉ: số B H, Khóm C, Phường C, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Bị cáo N xin bảng báo giá vật tư và chỉ đạo ông Trần Văn N2 đến Công ty T8 gặp ông M để lấy bảng báo giá về đưa lại cho bị cáo N1 lập hồ sơ thanh toán. Bị cáo N yêu cầu ông M xuất hóa đơn giá trị gia tăng theo khối lượng vật tư bị cáo N đưa ra và ông M đồng ý. Từ ngày 27/01/2022 đến ngày 29/3/2022, ông M xuất tổng cộng 05 hóa đơn giá trị gia tăng gửi cho bị cáo N1 thông qua mail và ứng dụng Zalo, sau đó bị cáo N ký 05 giấy rút dự toán ngân sách gửi Kho bạc Nhà nước V2 chuyển vào tài khoản số 150414851000356 mở tại Ngân hàng TMCP X1 (E) Chi nhánh B cho Công ty T8 với tổng số tiền 86.650.000 đồng. Đến cuối tháng 4 năm 2022, bị cáo N thông báo cho ông M biết là không lấy vật liệu đã mua và yêu cầu nhận lại tiền và được ông M đồng ý. Bị cáo N chỉ đạo ông Trần Văn N2 đến Công ty T8 gặp ông M để nhận số tiền 86.650.000 đồng mang về giao lại cho bị cáo N1 và chỉ đạo bị cáo N1 sử dụng số tiền trên để hoàn lại số tiền trước đó đã mượn chi hỗ trợ cho cán bộ, công chức xã H vào dịp Tết Nguyên Đán năm 2022, chi trả tiền công vận chuyển và tháo gỡ nhà xe từ trụ sở cũ sang trụ sở mới, hoàn trả lại nguồn tiền trước đó đã mượn chi hỗ trợ cho cán bộ, công chức xã H vào dịp Tết Nguyên Đán năm 2021, mua quà tặng cho Công ty X và Công ty X.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 26/QĐ-CQĐT, ngày 06/9/2023 để xác định khối lượng, giá trị thực tế do nhà thầu Nguyễn Văn P đã thi công các công trình nói trên. Tại Công văn số 153/CTY ngày 29/9/2023 Công ty Cổ phần X xác định: Mẫu cần giám định hiện nay đã được thi công thêm một lớp bê tông mới phủ lên toàn bộ bề mặt công trình, cho nên không thể xác định được dấu vết hiện trạng của mẫu cần

giám định nên không thể thực hiện được nội dung theo yêu cầu của Cơ quan Cảnh sát điều tra.

Ngày 12/6/2024, Chi cục thuế thành phố B, tỉnh Bạc Liêu có Công văn số 359/CCT-NV trả lời với nội dung theo yêu cầu của Cơ quan điều tra: Việc xuất 05 hóa đơn của Công ty T8 là đúng quy định pháp luật.

Đối với nguồn duy tu, sửa chữa các tuyến đường, cầu trên địa bàn xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu có liên quan trong vụ án của các năm 2019, năm 2020 và năm 2022, tổng chi phí duy tu, sửa chữa thực tế là $(50.227.000 \text{ đồng} + 86.120.000 \text{ đồng}) = 136.347.000 \text{ đồng}$, nhưng bị cáo Nguyễn Thanh N chỉ đạo bị cáo Trần Thị Cẩm N1 và cấu kết với bị cáo Nguyễn Văn P lập hồ sơ không thanh quyết toán với tổng số tiền $(131.727.000 \text{ đồng} + 160.620.000 \text{ đồng} + 86.650.000 \text{ đồng}) = 378.997.000 \text{ đồng}$, gây thiệt hại tài sản Nhà nước số tiền 242.650.000 đồng.

* Đối với nguồn chi thường xuyên vào năm 2022:

- Chi không đúng chế độ, tiêu chuẩn tiền nhiên liệu:

Trong các năm 2020, 2021 xảy ra dịch bệnh Covid-19, bị cáo Nguyễn Thanh N chỉ đạo ông Trần Văn M1 là Phó Chủ tịch UBND xã H, ông Lê Thanh H1 là công chức Địa chính - Xây dựng - Môi trường thuộc UBND xã H và ông Trần Văn N2 là Thủ quỹ - Văn thư lưu trữ UBND xã H xuất tiền cá nhân ra để thuê xe, chở nhu yếu phẩm như gạo, nước uống, rau củ quả... phục vụ cho việc nấu ăn tại cơ quan UBND xã H, cung cấp thức ăn cho các khu cách ly phạm vi trong xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Do UBND xã H không có nguồn kinh phí để chi trả cho những cá nhân trên, nên từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/9/2022, bị cáo N đã ký duyệt chi tiền nhiên liệu cho cán bộ, công chức xã H tổng số tiền 21.350.000 đồng.

Sau khi duyệt chi tiền nhiên liệu cho cán bộ, công chức UBND xã H, bị cáo N ký giấy rút dự toán ngân sách gửi Kho bạc Nhà nước V2 rút tiền tại A Chi nhánh huyện V. Sau đó, bị cáo N chỉ đạo cho bị cáo N1 lập hồ sơ chi tiền nhiên liệu cho cán bộ, công chức xã H không có dự toán, không đúng với chế độ, đối tượng, tiêu chuẩn, định mức chi theo Luật Ngân sách Nhà nước, đã gây thiệt hại tài sản của Nhà nước số tiền 21.350.000đ.

- Nguồn kinh phí tuyển quân:

Ngày 06/11/2019, UBND huyện V ra Công văn số: 3471/UBND-TH về việc đồng ý cho UBND xã H tạm ứng ngân sách huyện năm 2019 với số tiền 40.000.000 đồng phục vụ công tác tuyển quân năm 2020. Đến ngày 12/11/2019, bị cáo N ký thủ tục để Trần Văn N2 đến Kho bạc Nhà nước huyện V rút số tiền 40.000.000 đồng và chỉ đạo ông N2 chi tạm ứng phục vụ cho công tác tuyển quân năm 2020 với số tiền 41.040.000 đồng.

Ngày 30/12/2019, UBND huyện V ra Quyết định số: 401/QĐ-UBND về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2020, trong đó nguồn kinh phí dự phòng sử dụng cho công tác tuyển quân là 103.600.000 đồng. Tuy nhiên, năm 2020 xảy ra dịch bệnh Covid-19, UBND huyện V ra Quyết định số: 85/QĐ-UBND ngày 18/5/2020 về việc giao dự toán bổ sung chi ngân sách Nhà nước năm 2020, trong

đó giao cho UBND các xã, thị trấn sử dụng 50% nguồn dự phòng ngân sách của năm 2020 để chi hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo gặp khó khăn do dịch bệnh. Đối với số tiền 40.000.000 đồng UBND xã H tạm ứng trước đó đã chi cho công tác tuyển quân nên không còn dự toán để thanh quyết toán.

Thực hiện theo Công văn số: 3056/UBND-TH ngày 26/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh B, ngày 02/8/2021 UBND huyện V ra Công văn số: 2537/UBND-KT về việc thực hiện các kết luận kiến nghị kiểm toán ngân sách địa phương năm 2020 của huyện gửi UBND các xã, trong đó yêu cầu UBND xã H phải nộp hoàn số tiền tạm ứng kinh phí tuyển quân năm 2020 là 40.000.000 đồng. Do không có nguồn tiền để chi trả số tiền tạm ứng nói trên, bị cáo Nguyễn Văn N3 chỉ đạo bị cáo N1 hướng dẫn bị cáo Võ Minh L1, Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự xã H hồ sơ không thanh quyết toán kinh phí tuyển quân năm 2022 để có nguồn tiền nộp hoàn tạm ứng. Bị cáo Võ Minh L1 thực hiện lập hồ sơ và các danh sách cấp tiền ăn, tiền nước uống cho cán bộ áp dự Hội nghị triển khai kế hoạch xét duyệt tuyển chọn, kế hoạch khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự năm 2022, kế hoạch bình nghị năm 2022, nhờ Huỳnh Đình C2, Võ Đăng K và Lê Nguyễn L2 lực lượng thường trực xã H ký tên không người nhận tiền vào các danh sách làm thủ tục thanh quyết toán với tổng số tiền 47.633.000 đồng. Ngày 11/02/2022, bị cáo N3 ký giấy rút dự toán số tiền 47.633.000 đồng và chỉ đạo ông N2 đến A Chi nhánh huyện V rút tiền mặt. Đến ngày 14/3/2022, bị cáo N3 chỉ đạo ông N2 nộp hoàn tạm ứng số tiền 40.000.000 đồng vào tài khoản số 1531.3.1080200 của Kho bạc Nhà nước huyện V2, còn lại số tiền 7.633.000 đồng chi thực tế cho công tác tuyển quân năm 2022.

Tại Cáo trạng số 24/CT-VKS-HS ngày 29/7/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thanh N và bị cáo Trần Thị Cẩm N1 về tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 356 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Văn P về tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 356 Bộ luật Hình sự và truy tố bị cáo Võ Minh L1 về tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*” theo quy định tại khoản 1 Điều 356 Bộ luật Hình sự.

Từ nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2024/HS-ST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Thanh N, Trần Thị Cẩm N1, Nguyễn Văn P, Võ Minh L1 phạm tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*”. Tuyên xử;

1. Căn cứ các điểm b, c khoản 2 và khoản 4 Điều 356; các điểm b, s, v khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54, các Điều 17, 58 và 38 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh N 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

- Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Nguyễn Thanh N đảm nhiệm các chức vụ liên quan đến quản lý hành chính Nhà nước trong thời hạn 02 (hai) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2. Căn cứ các điểm b, c khoản 2 và khoản 4 Điều 356; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Trần Thị Cẩm N1 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

- Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Trần Thị Cẩm N1 đảm nhiệm các chức vụ liên quan đến quản lý hành chính Nhà nước trong công tác tài chính, kế toán trong thời hạn 02 (hai) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

3. Căn cứ các điểm b khoản 2 Điều 356; các điểm b, o, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 41; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án (ngày 25/9/2024).

- Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Nguyễn Văn P hành nghề trong lĩnh vực xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi trong thời hạn 02 (hai) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

4. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 4 Điều 356; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Võ Minh L1 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án (ngày 25/9/2024).

- Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Võ Minh L1 đảm nhiệm các chức vụ có liên quan đến quản lý hành chính Nhà nước trong công tác tài chính, kế toán trong thời hạn 01 (một) năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

5. Về vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 304.000.000 đồng (ba trăm lẻ bốn triệu đồng). (Đã nộp vào ngân sách huyện theo Quyết định số 453/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V và Ủy nhiệm chi ngày 30/12/2022 của Kho bạc Nhà nước V2 - Bạc Liêu).

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thanh N số tiền 158.430.000 đồng (một trăm năm mươi tám triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng). Ủy ban nhân dân huyện V có trách nhiệm hoàn trả số tiền 158.430.000 đồng (một trăm năm mươi tám triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng) cho bị cáo Nguyễn Thanh N (đã nộp vào ngân sách huyện theo Quyết định số 453/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V và Ủy nhiệm chi ngày 30/12/2022 của Kho bạc Nhà nước V2 - Bạc Liêu).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 07/10/2024, bị cáo Nguyễn Thanh N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo, kèm theo đơn kháng cáo bị cáo cung cấp Huy chương

kháng chiến hạng Nhì của ông Nguyễn Thanh T7. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Ngày 07/10/2024, bị cáo Trần Thị Cẩm N1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo, kèm theo đơn kháng cáo bị cáo cung cấp giấy xác nhận bị cáo có ông ngoại tên Trần Văn K1 là liệt sĩ được Nhà nước tặng Bằng Tổ quốc ghi công. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Ngày 18/10/2024, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân huyện V kháng cáo, không đồng ý hoàn trả số tiền 158.430.000 đồng cho bị cáo Nguyễn Thanh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ và xin hưởng án treo của các bị cáo, không chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu, giữ nguyên những phần này của Bản án sơ thẩm. Đối với bị cáo Nguyễn Văn P tuy không có kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nhưng cấp sơ thẩm áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo P là không đúng quy định pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa phần này của Bản án sơ thẩm theo hướng không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Văn P.

Lời nói sau cùng, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm án và cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sự có mặt, vắng mặt của bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Tại phiên phúc thẩm bị cáo N và bị cáo N1 có mặt, các bị cáo P, L1 và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V có kháng cáo và có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự tiếp tục giải quyết vụ án.

[2] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, việc thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được, nên có căn cứ để xác định các bị cáo N, bị cáo N1 trong quá trình thực hiện chức trách nhiệm vụ đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao lập hồ sơ thanh quyết toán trái quy định pháp luật đối với các công trình duy tu, sửa chữa các tuyến đường, cầu trong các năm 2019, 2020 và 2022, gây thiệt hại ngân sách Nhà nước với số tiền 242.650.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo N còn chỉ đạo bị cáo N1 ký duyệt chi hỗ trợ tiền nhiên liệu cho cán bộ, công chức xã H trong thời gian từ ngày 01/01/2022 đến 30/9/2022 không đúng với chế độ, đối tượng, tiêu chuẩn, định mức chi theo Luật Ngân sách Nhà nước gây thiệt hại ngân sách Nhà nước số tiền 21.350.000 đồng và bị cáo N còn chỉ đạo bị cáo N1, bị cáo L1 lập hồ sơ khống thanh quyết toán kinh phí tuyển quân năm 2022 gây thiệt hại ngân sách Nhà nước với số tiền 40.000.000 đồng.

Như vậy, bị cáo N đã lợi dụng chức vụ quyền hạn, chỉ đạo cấp dưới làm trái công vụ, thực hiện việc chi ngân sách không đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 18 của Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015; khoản 1 Điều 13 của Luật Kế toán năm 2015, Điều 79 của Luật Xây dựng năm 2014, gây thiệt hại ngân sách Nhà nước với tổng số tiền 304.000.000 đồng, nên việc truy tố, xét xử đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức, làm suy giảm lòng tin của nhân dân đối với tổ chức đảng và chính quyền địa phương, nên cần phải xử lý nghiêm mới đủ sức răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo;

[4.1] Đối với bị cáo N, bị cáo là người được Đảng uỷ xã H giao giữ chức vụ Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, có trách nhiệm quản lý kinh phí, ngân sách của Ủy ban nhân dân xã H, nhưng bị cáo đã lợi dụng chức vụ trực tiếp và chỉ đạo các bị cáo khác làm trái các quy định của pháp luật gây thất thoát ngân sách của Nhà nước, xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, cần phải xử lý nghiêm, nhưng do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự phạt bị cáo 03 năm tù là tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo, mặc dù sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo cung cấp thêm Huy chương kháng chiến hạng Nhì của ông Nguyễn Thanh T7, theo bị cáo xác định ông Nguyễn Thanh T7 là cha của bị cáo, nhưng theo lý lịch của bị cáo cha của bị cáo tên Nguyễn Văn T, nên không có căn cứ xác định bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Hơn nữa, mức hình phạt mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, nên cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[4.2] Đối với bị cáo N1, bị cáo là kế toán của đơn vị đã không thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ được giao, ngược lại bị cáo còn tiếp tay với bị cáo N, giúp sức cho bị cáo N gây thất thoát ngân sách nhà nước, mặc dù bị cáo là người làm theo sự chỉ đạo của bị cáo N, nhưng bị cáo đã bỏ qua các nguyên tắc tài chính kế toán. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng, bị cáo không hưởng lợi gì trong số tiền do bị cáo N làm thất thoát ngân sách nhà nước, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thụ động, làm theo chỉ đạo của bị cáo N, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới có ông ngoại tên Trần Văn K1 là Liệt sĩ, được Nhà nước tặng bằng Tổ quốc ghi công, đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên được xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo, sớm trở thành một công dân có ích cho gia đình và xã hội, nên chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo.

[5] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo N và bị cáo N1. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù bị cáo N có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm

hình sự được quy định tại các điểm b, s, v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng; bị cáo N4 có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Tuy nhiên, xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, căn cứ Điều 65 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018, Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi một số điều của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo thì hành vi phạm tội của các bị cáo không thuộc trường hợp được xem xét cho hưởng án treo. Do đó, cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo.

[6] Xét kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu không đồng ý hoàn trả số tiền 158.430.000 đồng cho bị cáo Nguyễn Thanh N. Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình thanh tra Ủy ban kiểm tra huyện uỷ kết luận tổng số tiền bị cáo N làm thất thoát ngân sách nhà nước là 462.430.000 đồng, bị cáo N nộp số tiền này để khắc phục hậu quả. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, chỉ chứng minh được số tiền bị cáo lợi dụng chức vụ chi sai quy định gây thất thoát ngân sách nhà nước số tiền 304.000.000 đồng, nhưng Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V ban hành quyết định số 453/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 nộp toàn bộ số tiền kết luận sai phạm gây thất thoát 462.430.000 đồng do bị cáo N nộp khắc phục vào ngân sách nhà nước là không đúng theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự, vì số tiền bị cáo nộp khắc phục phải được xử lý, giải quyết theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, cấp sơ thẩm buộc Ủy ban nhân dân huyện V giao trả số tiền 158.430.000 đồng do bị cáo nộp khắc phục thừa so với số tiền làm căn cứ truy tố bị cáo có căn cứ, đúng quy định pháp luật, nên cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên đề nghị không áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự để áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo P. Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo P không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị đến nội dung này. Tuy nhiên, theo Điều 41 Bộ luật hình sự quy định “Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định được áp dụng khi xét thấy nếu để người bị kết án đảm nhiệm chức vụ, hành nghề hoặc làm công việc đó thì có thể gây nguy hại cho xã hội”. Theo hồ sơ thể hiện bị cáo P chỉ đăng ký kinh doanh với ngành nghề mua bán vật liệu xây dựng với tên Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Văn P, bị cáo không đăng ký hành nghề xây dựng cầu, đường, nên không cần thiết phải áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự để áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo P. Do đó, đề nghị của Kiểm sát Viên là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận, sửa phần này của Bản án sơ thẩm.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo N, kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận. Đối với đề nghị giữ nguyên mức hình phạt đối với bị cáo N1. Hội đồng

xét xử xét thấy, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo N1 có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được xem xét chấp nhận, nên đề nghị của Kiểm sát viên giữ nguyên mức hình phạt đối với bị cáo N1 là chưa phù hợp, nên không được chấp nhận.

[9] Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2024/HS-ST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu không kháng cáo, không bị kháng nghị và không liên quan đến kháng cáo đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[10] Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 23, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Trần Thị Cẩm N1 và Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu không phải chịu, bị cáo Nguyễn Thanh N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh N, không chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần Thị Cẩm N1, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2024/HSST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thanh N và Trần Thị Cẩm N1 phạm tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*”.

1.1. Căn cứ các điểm b, c khoản 2 và khoản 4 Điều 356; các điểm b, s, v khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; khoản 1 Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh N 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

- Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Nguyễn Thanh N đảm nhiệm các chức vụ liên quan đến quản lý hành chính Nhà nước trong thời hạn 02 (Hai) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

1.2. Căn cứ các điểm b, c khoản 2 và khoản 4 Điều 356; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; khoản 1 Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Trần Thị Cẩm N1 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

- Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Trần Thị Cẩm N1 đảm nhiệm các chức vụ liên quan đến quản lý hành chính Nhà nước trong công tác tài chính, kế toán trong thời hạn 02 (Hai) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

1.3. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 356; các điểm b, o, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 01 (Một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 (Hai) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25/9/2024).

Giao bị cáo Nguyễn Văn P cho UBND xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

2. Về vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 304.000.000 đồng (Ba trăm lẻ bốn triệu đồng). (Đã nộp vào Ngân sách huyện theo Quyết định số 453/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V và Ủy nhiệm chi ngày 30/12/2022 của Kho bạc Nhà nước V2, tỉnh Bạc Liêu).

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu trả lại cho bị cáo Nguyễn Thanh N số tiền 158.430.000 đồng (Một trăm năm mươi tám triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng). (Đã nộp vào Ngân sách huyện theo Quyết định số 453/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V và Ủy nhiệm chi ngày 30/12/2022 của Kho bạc Nhà nước V2, tỉnh Bạc Liêu).

3. Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2024/HSST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu không có kháng cáo, không bị kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Án phí hình sự phúc thẩm:

- Buộc bị cáo Nguyễn Thanh N phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

- Bị cáo Trần Thị Cẩm N1 và Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu không phải nộp.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- HSNV CA tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Vĩnh Lợi;
- VP CQĐT CA tỉnh;
- CQ THA HS huyện Vĩnh Lợi;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Lợi;
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM-
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA-** Phòng

(Đã ký)

- *Các bị cáo;*
- *Lưu: HS; Tòa HS; THCTP*

Bùi Anh Tuấn